

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 4879/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 30 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính  
Nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Công văn số 6459/BNV-CCHC ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước năm 2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 383/TTr-SNV ngày 27 tháng 12 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2021.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *fg*

*Nơi nhận: hfg*

- Như Điều 2;
- BCĐ CCHC của Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh Lê Ngọc Hoa;
- CVP, PVP KT UBND tỉnh;
- TT Công báo, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, TH (N). *hfg*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Ngọc Hoa*



## **KẾ HOẠCH**

### **Cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2021**

*(Ban hành theo Quyết định số 4879 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Triển khai thực hiện các nội dung trong công tác Cải cách hành chính, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Nghệ An năm 2021 như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Người đứng đầu các ngành, các cấp tập trung chỉ đạo, đảm bảo mỗi đơn vị hoàn thành ít nhất 03 nhiệm vụ trọng tâm theo cam kết với UBND tỉnh.

2. Đảm bảo 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã được rà soát, trong đó có từ 15 - 20% thủ tục hành chính được đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Tỷ lệ hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của cơ quan, đơn vị trả trước hạn, đúng hạn đạt 98% trở lên; 100% hồ sơ chậm vì lý do chủ quan phải được xin lỗi người dân, tổ chức kịp thời, không có hồ sơ tồn đọng; 100% sở, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ đầy đủ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính; 100% hồ sơ của Hệ thống Một cửa điện tử của sở, ngành, địa phương được đồng bộ trạng thái phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá; tiếp tục tập trung triển khai các giải pháp bảo đảm hoàn thành mục tiêu cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 ít nhất đạt 50% trong năm 2021 trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương đạt từ 15% trở lên.

4. 100% cán bộ, công chức, viên chức của sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, không có vi phạm.

5. Đảm bảo 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện kịp thời, đúng các quy định về tổ chức bộ máy.

6. 100% cơ quan nhà nước sử dụng hiệu quả và thực hiện ký số trên phần mềm quản lý văn bản I-Office. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt từ 15% trở lên.

7. Cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh.



8. Đảm bảo mức độ hài lòng đối với việc cung cấp dịch vụ hành chính công đạt trên 85%, dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập đạt trên 80%.

## **II. NHIỆM VỤ**

### **1. Cải cách thể chế**

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, địa phương.

- Tổ chức thực hiện kịp thời các văn bản, quy định mới. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tiến độ, đồng bộ, khả thi.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện các văn bản có sai sót để kiến nghị, xử lý kịp thời.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính**

- Công bố kịp thời thủ tục hành chính theo quy định. Rà soát, thống kê, cập nhật, công khai đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền.

- Rà soát, đơn giản hóa, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính ở các cấp.

- Vận hành hiệu quả Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; duy trì và thực hiện có hiệu quả Bộ phận Một cửa ở các cấp. Tăng thủ tục hành chính liên thông. Mở rộng thực hiện cơ chế một cửa đối với các đơn vị sự nghiệp y tế trên địa bàn tỉnh và nghiên cứu thực hiện đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập khác.

- Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục chính cho cá nhân, tổ chức. Thực hiện kịp thời, đầy đủ, nghiêm túc các quy định về việc xin lỗi cá nhân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Xây dựng hệ thống giám sát đối với cán bộ, công chức, viên chức bộ phận một cửa thông qua các ứng dụng công nghệ thông tin.


- Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức kịp thời, đúng quy định.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

- Triển khai kịp thời các văn bản về tổ chức bộ máy; sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định.

- Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý.

- Thực hiện quy định về phân cấp quản lý; kiểm tra, đánh giá đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã.

- Thực hiện tốt việc phối hợp trong công tác giữa các cấp, các ngành. 



#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Triển khai, xây dựng kịp thời các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị; sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức viên chức đúng theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Thi nâng ngạch công chức. Thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

- Xây dựng phần mềm công nghệ thông tin để áp dụng và quản lý thống nhất đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện nghiêm các quy định về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao đạo đức công vụ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ ở các cấp.

#### **5. Cải cách tài chính công**

- Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ ban hành quy chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ của từng cơ quan, đơn vị để quản lý, sử dụng có hiệu quả kinh phí quản lý hành chính, tiết kiệm, chống lãng phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.


- Thực hiện các hoạt động xã hội hóa giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao.

#### **6. Xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

- Xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh Nghệ An; triển khai đề án đô thị thông minh.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ triển khai chính quyền điện tử;

- Áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT I-Office; chữ ký số tại các đơn vị ở các cấp;

- Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo; các phần mềm chuyên ngành; 



- Tiếp tục tuyên truyền và đẩy mạnh việc tiếp nhận, giải quyết, xử lý hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; Khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử tỉnh Nghệ An có hiệu quả.

- Thực hiện công bố, áp dụng và duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

*(Các nhiệm vụ cụ thể và phân công triển khai thực hiện tại phụ lục kèm theo)*

### **III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.**

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, thực hiện cải cách hành chính. Thực hiện có hiệu quả các nội dung chủ đề “Năm đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác Cải cách hành chính 2021”. Xác định rõ kết quả thực hiện trong năm gắn với công tác đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng người đứng đầu.

2. Xác định đầy đủ vai trò, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác của từng cá nhân và tổ chức.

3. Tăng cường tính công khai, minh bạch của các cơ quan, đơn vị. Khen thưởng kịp thời để động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ đồng thời xử lý nghiêm những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện cải cách hành chính ở các cấp, trong các cơ quan, đơn vị. Đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính các sở, ngành, địa phương khách quan, chính xác.

5. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin - truyền thông để hỗ trợ tốt cho cải cách hành chính, tăng tính công khai minh bạch và hiệu quả giám sát. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức; huy động sự tham gia của nhân dân, tổ chức vào công tác cải cách hành chính.

6. Bố trí đủ nguồn lực tài chính cho việc triển khai cải cách hành chính.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã:**

- Căn cứ Kế hoạch này trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp với thực tế. Cam kết thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm gắn với công tác thi đua khen thưởng.

- Tăng cường công tác tự kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện; định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương.



- Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này gửi Sở Nội vụ thẩm tra, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**2. Các cơ quan chủ trì triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính:**

- Văn phòng UBND tỉnh và các sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ căn cứ nhiệm vụ được giao chủ trì chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp kiểm tra các nội dung cải cách hành chính, đồng thời tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) về tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

- Sở Nội vụ - Cơ quan Thường trực công tác cải cách hành chính của tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ trọng tâm “Năm đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác Cải cách hành chính 2021”; đôn đốc, xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các Sở, ngành, địa phương; chủ trì tổng hợp tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai đánh giá Chỉ số cải cách hành chính các sở, ngành, địa phương năm 2021 theo quy định.

- Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

**3. Đài Phát thanh Truyền hình Nghệ An, Báo Nghệ An, Cổng Thông tin điện tử tỉnh thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính và nội dung Kế hoạch này./.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021

(Ban hành theo Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>				
1	Tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương	- Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND;  - Báo cáo kết quả theo định kỳ hàng quý.	- Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện;  - Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	- Sở Tư pháp  - Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện;	- Thường xuyên  - Định kỳ quý
2	Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nghệ An	- Kế hoạch của UBND tỉnh, UBND cấp huyện; - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản QPPL	Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện	Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.	KH xây dựng tháng 01; báo cáo theo tiến độ kế hoạch và định kỳ.



TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
3	Công bố văn bản QPPL hết hiệu lực năm 2020	Quyết định của UBND tỉnh, UBND cấp huyện	- Sở Tư pháp - Phòng Tư pháp các huyện	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Tháng 01/2021
4	Tổ chức thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật	- Kế hoạch của UBND tỉnh; - Báo cáo của UBND tỉnh;	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện.	- Tháng 01 - Tháng 12
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG</b>				
1	Xây dựng, triển khai kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính	Kế hoạch của UBND tỉnh; Báo cáo kết quả	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh UBND cấp huyện.	Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện.	Xây dựng Kế hoạch tháng 01; báo cáo theo định kỳ;
2	Công bố thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính hoặc danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý ở các cấp	Các Sở, Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Cập nhật, công bố, bổ sung thường xuyên khi có sự thay đổi
3	Công khai thủ tục hành chính	100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết đã công bố được công khai theo quy định	Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện.	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên



TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Khi có sự thay đổi
5	Tiếp tục tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 ít nhất đạt 50%	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 5/2021
6	Tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính	100% ý kiến tiếp nhận được xử lý kịp thời; Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên
7	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	- Thực hiện các quy định của Trung ương và UBND tỉnh; - Báo cáo kết quả thực hiện; kết quả xử lý hồ sơ qua bộ phận một cửa.	Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Theo quy định
8	Thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, Ngành, đơn vị liên quan	Theo định kỳ quý, 6 tháng, năm
9	Công khai 100% kết quả xử lý công việc của cơ quan, đơn vị, của công chức, viên chức trên cổng thông tin điện tử của đơn vị	Báo cáo kết quả được công khai	Các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị	Cổng thông tin điện tử tỉnh	Theo định kỳ hàng tháng



TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
10	Thực hiện liên thông các thủ tục hành chính ở các cấp	Báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ.	Các cơ quan được giao chủ trì	Sở ngành, địa phương liên quan	Theo Quyết định của UBND tỉnh
11	Đánh giá mức độ hài lòng của nhân dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính	Báo cáo kết quả	Các Sở, Ban, Ngành, địa phương	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Theo Kế hoạch của cơ quan, đơn vị
12	Đánh giá mức độ hài lòng của nhân dân, tổ chức đối với các dịch vụ công về y tế, giáo dục	Báo cáo kết quả	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo.	UBND các huyện, thành, thị	Quý III
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>				
1	Triển khai các quy định của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy	- Văn bản triển khai thực hiện; - Báo cáo kết quả	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền
2	Quy định, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị	Các quyết định quy định	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Theo quy định
3	Điều chỉnh, thực hiện phân công, phân cấp các lĩnh vực quản lý nhà nước	Báo cáo kết quả rà soát, điều chỉnh, thực hiện phân công, phân cấp.	Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành cấp tỉnh.	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý II



TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Xác định vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch trong các cơ quan, tổ chức của tỉnh	- Quyết định của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm của sở, ngành, địa phương; - Quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm của UBND tỉnh, Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đối với đơn vị sự nghiệp thuộc.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị	Sở Nội vụ	Theo quy định
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>				
1	Xây dựng các quy định về chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức, viên chức kể cả cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý	Văn bản quy định triển khai; Báo cáo kết quả	Các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II
2	Xây dựng, triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021	Kế hoạch của UBND tỉnh; Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	XD KH quý I; báo cáo theo định kỳ
3	Sửa đổi, bổ sung các quy định về phân công, phân cấp quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 3
4	Sửa đổi, bổ sung các quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 3



TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
5	Triển khai áp dụng phần mềm quản lý công chức và quản lý thống nhất các thông tin hồ sơ cán bộ, công chức toàn tỉnh	- Xây dựng, cài đặt phần mềm - Cập nhật dữ liệu công chức, công chức cấp xã.	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Quý III
6	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan, đơn vị	Kế hoạch thực hiện; các hoạt động kiểm tra, báo cáo kết quả	Sở Nội vụ; Các cơ quan, đơn vị ở các cấp; Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo chung	Thanh tra tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	- XD kế hoạch tháng 01; báo cáo theo định kỳ và hoạt động cụ thể
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>				
1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính; cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	- Văn bản triển khai thực hiện tự chủ. - Báo cáo kết quả	Sở Tài chính hướng dẫn, tổng hợp báo cáo chung toàn tỉnh; các Sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị thực hiện	Các cơ quan, đơn vị liên quan	- Quý I;  - Theo quý, 6 tháng, năm
2	Xã hội hóa một số lĩnh vực: Văn hóa, thể thao, giáo dục đào tạo, y tế.	Báo cáo kết quả	Sở Văn hóa Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý, 6 tháng, năm



TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
<b>VI</b>	<b>XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>				
1	Triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số đảm bảo ATTT tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Đề án thí điểm Đô thị thông minh tỉnh Nghệ An	Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, Ngành, địa phương ở các cấp	Theo tiến độ kế hoạch, đề án
2	Triển khai có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT I-Office ở các cấp; ứng dụng chữ ký số	Các văn bản đôn đốc triển khai; báo cáo định kỳ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, Ngành, địa phương ở các cấp	Thường xuyên
3	Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo; các phần mềm chuyên ngành	Hệ thống báo cáo; phần mềm chuyên ngành	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành, địa phương	Các cơ quan liên quan	Theo chỉ đạo và nhu cầu
4	Nâng cấp và sử dụng có hiệu quả hệ thống thư điện tử công vụ	Báo cáo kết quả	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện	Theo định kỳ quý, 6 tháng, năm;
5	Tổ chức giao ban trực tuyến qua hệ thống của tỉnh	- Tổ chức việc đăng ký sử dụng hệ thống. - Báo cáo đánh giá kết quả	Các Sở, Ban, Ngành, địa phương	Sở Thông tin Truyền thông	- Thường xuyên - Tháng, quý, 6 tháng, năm



TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
6	Vận hành khai thác, sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử tỉnh Nghệ An	- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền; kiểm tra, đôn đốc thực hiện. - Báo cáo kết quả định kỳ	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện.	- Quý I  - Tháng, quý, 6 tháng, năm
7	Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát công chức; phần mềm theo dõi, đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành, thị	Các hệ thống và phần mềm được xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III
8	Công bố, áp dụng và duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	- Các Quyết định công bố; - Hồ sơ duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;	Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch
<b>VII CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN</b>					
1	Ban hành, thực hiện kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021	- Kế hoạch được phê duyệt;  - Tổ chức thực hiện, tổng hợp kết quả theo định kỳ	Sở Nội vụ; Các Sở, ngành, địa phương và các cơ quan thông tin truyền thông	Các cơ quan liên quan.	- Tháng 01;  - Quý, 6 tháng, năm



TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm, kết quả đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
2	Tự chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính tỉnh năm 2020	Báo cáo tự chấm điểm và các nội dung liên quan gửi Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, Ngành và địa phương liên quan	Theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ
3	Kiểm tra Cải cách hành chính; Kiểm tra Chỉ thị 26/CT-TTg và các Chỉ thị của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính năm 2021	- Kế hoạch kiểm tra được ban hành. - Tổ chức các cuộc kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất; Báo cáo kết quả.	Sở Nội vụ; bộ phận tham mưu CCHC ở Sở, ban, ngành, địa phương; các đoàn kiểm tra được thành lập ở các cấp	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	- Quý I - Trong năm
4	Đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính các sở, ngành, địa phương trong tỉnh năm 2021	Báo cáo tự đánh giá; quyết định xếp hạng công tác cải cách hành chính các ngành, địa phương, đơn vị trực thuộc	- Các Sở, Ban, Ngành, UBND cấp huyện; - Sở Nội vụ.	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	- Trước ngày 25/10; - Tháng 12.
5	Ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025	Quyết định phê duyệt Chương trình, Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Tháng 9
VIII	Thực hiện các nội dung khác thuộc chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Chính phủ	Các chương trình, kế hoạch cụ thể của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương.	Tất cả các cấp, các ngành có liên quan.		Theo yêu cầu của Trung ương



**DỰ KIẾN KINH PHÍ**

**Thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính 2021  
từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác**

*(Ban hành theo Quyết định số 4879 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Nội dung nhiệm vụ đề xuất	Dự kiến kinh phí (đồng)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam</b>	<b>220 000 000</b>	
	Tuyên truyền công tác CCHC, thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp; tuyên truyền, quảng bá về xúc tiến đầu tư vào Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp (in catalogue, tài liệu thủ tục và các danh mục văn bản pháp luật liên quan...)	120 000 000	
	Tổ chức cuộc thi Tìm hiểu về CCHC, thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam	60 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị đảm bảo công tác CCHC	40 000 000	
<b>2</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>847 000 000</b>	
	Kinh phí hiện đại hóa công sở	500 000 000	
	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Chi cục Văn thư Lưu trữ: Máy chiếu Sony, Tivi Sony 65inch (sử dụng làm lịch công tác); Máy vi tính (kết nối với tivi); Bộ loa phục vụ hội họp phòng hội trường; Hệ thống camera an ninh chuyên dụng	347 000 000	
<b>3</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>155 000 000</b>	
	Tuyên truyền trên Báo, đài, website, băng rôn, khẩu hiệu, tổ chức các cuộc thi về CCHC	105 000 000	
	Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát sự hài lòng, chất lượng CCHC	50 000 000	
<b>4</b>	<b>Sở Ngoại vụ</b>	<b>51 000 000</b>	
	Chi mua văn phòng phẩm, vật tư thực hiện nhiệm vụ CCHC; Chi mua các ấn phẩm, sách báo, tạp chí phục vụ công tác nghiên cứu về CCHC	15 000 000	
	Dịch tài liệu tuyên truyền về các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đối ngoại từ tiếng Việt sang các thứ tiếng: Nhật, Hàn, Trung, Pháp.	36 000 000	
<b>5</b>	<b>Sở Giao thông Vận tải</b>	<b>1 400 000 000</b>	
	Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh vận tải	600 000 000	
	Xây dựng phần mềm quản lý hạ tầng giao thông, quản lý hành lang an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An	450 000 000	
	Xây dựng phần mềm quản lý cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, quản lý giấy phép thi công công trình thiết yếu	350 000 000	
<b>6</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	<b>360 020 000</b>	



TT	Nội dung nhiệm vụ đề xuất	Dự kiến kinh phí (đồng)	Ghi chú
	Tái bản có bổ sung tài liệu tuyên truyền phổ biến các văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn liên quan đến CCHC 2021	108 560 000	
	Tái bản tài liệu tuyên truyền các nội dung về CCHC 2021	132 260 000	
	Xuất bản tài liệu tuyên truyền về các quy định thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư để cải thiện môi trường kinh doanh	119 200 000	
<b>7</b>	<b>Sở Văn hóa và Thể thao</b>	<b>200 000 000</b>	
	Nâng cấp hệ thống máy chủ, mạng LAN cơ quan sở (Giai đoạn 2)	150 000 000	
	Mua máy photocopy	50 000 000	
<b>8</b>	<b>Sở Lao động Thương binh và Xã hội</b>	<b>185 000 000</b>	
	Nâng cấp, cải tạo hệ thống mạng, thiết bị CNTT đáp ứng yêu cầu chất lượng CCHC	185 000 000	
<b>9</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>325 600 000</b>	
	Thực hiện nhiệm vụ KHCN phục vụ CCHC (Chuẩn hóa, số hóa hồ sơ đăng ký kinh doanh)	225 600 000	
	An toàn thông tin dữ liệu phục vụ CCHC cơ quan	100 000 000	
<b>10</b>	<b>Sở Tài chính</b>	<b>270 000 000</b>	
	Mua máy photocopy	80 000 000	
	Chi thông tin, tuyên truyền, mua các ấn phẩm phục vụ công tác nghiên cứu về CCHC; chi mua văn phòng phẩm, vật tư trang thiết bị phục vụ CCHC, chi tổ chức tập huấn công tác CCHC	40 000 000	
	Chi nâng cấp hệ thống thủ tục hành chính từ mức độ 3 lên mức độ 4 và cập nhật các thủ tục hành chính mới	50 000 000	
	Chi đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với hệ thống dịch vụ công ngành tài chính (thủ tục cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách trên hệ thống dịch vụ công mức độ 4)	100 000 000	
<b>11</b>	<b>Ban Dân tộc</b>	<b>30 000 000</b>	
	Mua sắm trang thiết bị và các mục chi khác đảm bảo nhiệm vụ CCHC tại Ban	30 000 000	
<b>12</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>	<b>451 200 000</b>	
	Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho UBND cấp xã, triển khai thực hiện tại 20 đơn vị cấp xã	288 700 000	
	Kiểm tra việc chuyển đổi, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2021	162 500 000	
<b>13</b>	<b>Huyện Nam Đàn</b>	<b>315 000 000</b>	
	Bổ sung trang thiết bị làm việc bộ phận một cửa 19 xã	285 000 000	
	Nâng cấp, tu sửa bộ phận một cửa 01 xã	30 000 000	



TT	Nội dung nhiệm vụ đề xuất	Dự kiến kinh phí (đồng)	Ghi chú
<b>14</b>	<b>Huyện Nghi Lộc</b>	<b>810 000 000</b>	
	Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với các cơ quan hành chính	90 000 000	
	Ứng dụng CNTT, hiện đại hóa công sở cơ quan HĐND-UBND huyện	175 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện	95 000 000	
	Nâng cấp phòng làm việc bộ phận một cửa 10 xã	300 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 10 xã	150 000 000	
<b>15</b>	<b>Huyện Quỳnh Châu</b>	<b>253 591 000</b>	
	Mua vật tư, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ CCHC bộ phận một cửa huyện	29 500 000	
	Chi thông tin, tuyên truyền về CCHC	29 091 000	
	Nâng cấp, cải tạo bộ phận một cửa 01 xã	30 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 11 xã	165 000 000	
<b>16</b>	<b>Huyện Nghĩa Đàn</b>	<b>202 500 000</b>	
	Nâng cấp bộ phận một cửa 03 xã	90 000 000	
	Bổ sung trang thiết bị bộ phận một cửa 03 xã	45 000 000	
	Bổ sung trang thiết bị bộ phận một cửa huyện	37 500 000	
	Thông tin, tuyên truyền CCHC	30 000 000	
<b>17</b>	<b>Huyện Anh Sơn</b>	<b>2 010 000 000</b>	
	Xây dựng, nâng cấp bộ phận một cửa cấp huyện theo hướng liên thông, hiện đại	1 500 000 000	
	Nâng cấp phòng làm việc bộ phận một cửa 12 xã	360 000 000	
	Bổ sung trang thiết bị bộ phận một cửa 10 xã	150 000 000	
<b>18</b>	<b>Huyện Quế Phong</b>	<b>303 000 000</b>	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa huyện	33 000 000	
	Tuyên truyền CCHC	15 000 000	
	Nâng cấp công TTĐT huyện	30 000 000	
	Nâng cấp bộ phận một cửa của 01 xã	30 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận 1 cửa của 13 xã	195 000 000	
<b>19</b>	<b>Huyện Đô Lương</b>	<b>780 000 000</b>	
	Xây dựng trung tâm hành chính công huyện Đô Lương	480 000 000	
	Nâng cấp bộ phận một cửa 06 xã	180 000 000	
	Bổ sung trang thiết bị bộ phận một cửa 08 xã	120 000 000	
<b>20</b>	<b>Thị xã Hoàng Mai</b>	<b>530 000 000</b>	
	Nâng cấp phòng làm việc bộ phận một cửa 03 phường, xã	90 000 000	
	Hiện đại hóa một bước bộ phận một cửa phường Quỳnh Phương, thực hiện thí điểm liên thông	350 000 000	



TT	Nội dung nhiệm vụ đề xuất	Dự kiến kinh phí (đồng)	Ghi chú
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 06 phường, xã	90 000 000	
<b>21</b>	<b>Huyện Kỳ Sơn</b>	<b>350 000 000</b>	
	Xây mới và mua sắm trang thiết bị phòng làm việc bộ phận một cửa 02 xã	260 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 03 xã	45 000 000	
	Nâng cấp bộ phận một cửa huyện	45 000 000	
<b>22</b>	<b>Thành phố Vinh</b>	<b>45 000 000</b>	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 03 phường, xã	45 000 000	
<b>23</b>	<b>Huyện Quỳnh Hợp</b>	<b>345 000 000</b>	
	Sửa chữa, nâng cấp bộ phận một cửa 04 xã	120 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 15 xã	225 000 000	
<b>24</b>	<b>Huyện Thanh Chương</b>	<b>1 655 000 000</b>	
	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin	525 000 000	
	Xây mới và mua sắm trang thiết bị làm việc bộ phận một cửa 01 xã	130 000 000	
	Nâng cấp bộ phận một cửa 10 xã	300 000 000	
	Bổ sung trang thiết bị bộ phận một cửa 10 xã	150 000 000	
	Đánh giá mức độ hài lòng của nhân dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính	100 000 000	
	Xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền	150 000 000	
	Xây dựng các dịch vụ công ưu tiên cung cấp mức độ 3, 4 theo quy định	150 000 000	
	Công khai thủ tục hành chính	150 000 000	
<b>25</b>	<b>Huyện Con Cuông</b>	<b>235 000 000</b>	
	Xây mới và mua sắm trang thiết bị phòng làm việc bộ phận một cửa 01 xã	130 000 000	
	Mua sắm, bổ sung trang thiết bị bộ phận một cửa 03 xã	45 000 000	
	Nâng cấp bộ phận một cửa huyện	45 000 000	
	Kinh phí công tác tuyên truyền	15 000 000	
<b>26</b>	<b>Huyện Tân Kỳ</b>	<b>735 000 000</b>	
	Chi thông tin tuyên truyền CCHC, công khai thủ tục hành chính	108 350 000	
	Xây mới và mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 01 xã	130 000 000	
	Nâng cấp phòng làm việc bộ phận một cửa 07 xã	210 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 08 xã	120 000 000	
	Trang bị máy scan 02 mặt cho 11 xã lưu trữ tài liệu dịch vụ công mức 3, 4	275 000 000	
<b>27</b>	<b>Thị xã Thái Hòa</b>	<b>105 000 000</b>	
	Cải tạo, nâng cấp phòng làm việc bộ phận một cửa 02 xã	60 000 000	



TT	Nội dung nhiệm vụ đề xuất	Dự kiến kinh phí (đồng)	Ghi chú
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 03 xã	45 000 000	
<b>28</b>	<b>Huyện Hưng Nguyên</b>	<b>180 000 000</b>	
	Nâng cấp, quản lý vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu CCHC, website CCHC, chie thiết kế băng rôn, pano, khẩu hiệu tuyên truyền CCHC	30 000 000	
	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất bộ phận một cửa 03 xã	90 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 03 xã	45 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa cấp huyện	15 000 000	
<b>29</b>	<b>Thị xã Cửa Lò</b>	<b>610 000 000</b>	
	Ứng dụng CNTT, nâng cấp hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND thị xã	150 000 000	
	Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với các cơ quan hành chính	90 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa thị xã	100 000 000	
	Nâng cấp phòng làm việc bộ phận một cửa 06 phường	180 000 000	
	Mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa 06 phường	90 000 000	
<b>30</b>	<b>Huyện Diễn Châu</b>	<b>400 000 000</b>	
	Lắp đặt hệ thống hội nghị giao ban trực tuyến phòng họp đầu cầu huyện và phòng họp điểm cầu các xã, thị trấn trong toàn huyện	400 000 000	
<b>31</b>	<b>Huyện Quỳnh Lưu</b>	<b>535 000 000</b>	
	Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị bộ phận một cửa huyện	100 000 000	
	Nâng cấp bộ phận một cửa 10 xã	300 000 000	
	Bổ sung trang thiết bị bộ phận một cửa 09 xã	135 000 000	
<b>32</b>	<b>Huyện Yên Thành</b>	<b>465 000 000</b>	
	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phòng làm việc bộ phận một cửa 11 xã	165 000 000	
	Nâng cấp phòng làm việc bộ phận một cửa 10 xã	300 000 000	
<b>33</b>	<b>Huyện Tương Dương</b>	<b>460 000 000</b>	
	Thông tin, tuyên truyền về công tác CCHC	100 000 000	
	Rà soát, cập nhật công khai TTHC	10 000 000	
	Chỉnh trang và mua sắm trang thiết bị bộ phận một cửa huyện	50 000 000	
	Nâng cấp bộ phận một cửa 03 xã; bổ sung trang thiết bị bộ phận một cửa 04 xã	150 000 000	
	Điều tra, khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức về CCHC	50 000 000	
	Triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin	100 000 000	
<b>Cộng</b>		<b>15 818 911 000</b>	

(Mười lăm tỷ tám trăm mười tám triệu chín trăm mười một nghìn đồng) ✓